

# Kinh tế

## Châu Á - Thái Bình Dương

Dịch vụ ngân hàng số từ quan điểm của khách hàng  
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong marketing điện tử  
Những công nghệ cốt lõi thúc đẩy chuyển đổi số  
Ứng dụng kỹ thuật khai phá dữ liệu trong ngân hàng  
Kinh tế thế giới và thị trường tài chính Việt Nam

ASIA - PACIFIC ECONOMIC REVIEW

Số 637 - Tháng 6 năm 2023



# Chuyển đổi số ngân hàng thách thức và giải pháp

[www.ktcatbd.com.vn](http://www.ktcatbd.com.vn)

9 938500 883019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

**VĂN PHÒNG GIAO DỊCH**

Số 18 ngõ 49 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 0888381299

Email: ktcatbd@gmail.com

**TỔNG BIÊN TẬP**

Lê Văn Sang

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

Lê Kim Sa (Việt Hà)

Nguyễn Hồng Phối

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC**

Trần Văn Thọ

Võ Đại Lược

Đặng Nguyễn Anh

Trần Đình Thiên

Lê Bộ Lĩnh

Nguyễn Đức Thành

Trần Đức Hiệp

Bùi Quang Tuấn

Phí Mạnh Tường

Hồ Đức Hiệp

Trần Thị Nam Thắng

Chu Văn Thắng

Tô Hiến Thà

**BAN TRỊ SỰ**

Hồng Huế: 0962002215

Email: lehonghue0511@gmail.com

**BAN THƯ KÝ - BIÊN TẬP**

Hoàng Dung: 0938016618

Email: hoangdung.brand@gmail.com

Vân Anh: 0903833489

Email: ktcatbd.nc@gmail.com

**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:** 1545/BC-GPXB;

175/GP-BVHTT; 274/GP-BTTTT

In tại Công ty ty in My link

Giá: 40.000 VND

04. Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam: thách thức và giải pháp  
*Phan Anh, Nguyễn Nhật Minh*
07. Dịch vụ ngân hàng số: Quan điểm của khách hàng  
*Bùi Thị Hồng Nhung*
10. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Marketing điện tử  
*Nguyễn Thị Thùy Anh*
13. Những công nghệ cốt lõi thúc đẩy chuyển đổi số  
*Lê Thị Hồng Nhung*
16. Ứng dụng của các kỹ thuật khai phá dữ liệu trong lĩnh vực ngân hàng  
*Nguyễn Phan Tinh*
19. Đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn giai đoạn 2011 – 2021: thực trạng và giải pháp  
*Lê Thị Hương*
22. Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh mới  
*Lê Huy Kim Hoàng Anh*
25. Cải cách tài chính công theo hướng công khai, minh bạch ở Việt Nam: thực trạng, quy định pháp lý và giải pháp  
*Nguyễn Phương Hoa*
28. Ứng dụng mô hình DINESERV trong nâng cao chất lượng dịch vụ của ngành F&B Việt Nam  
*Phí Thị Kim Thu*
31. Hải Dương cải thiện môi trường đầu tư nhằm tăng cường thu hút có hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài phục vụ mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2021-2025  
*Nguyễn Thị Ngọc Yến*
34. Ảnh hưởng của kinh tế thế giới đến thị trường tài chính Việt Nam năm 2023  
*Phạm Thu Hương*
37. Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách phát triển sản phẩm du lịch: võ cổ truyền Bình Định hiện nay  
*Nguyễn Thị Ngọc Thùy*
40. Nghiên cứu về hoạt động kiểm soát của kiểm soát nội bộ: trường hợp các doanh nghiệp may mặc Việt Nam  
*Đỗ Thị Thành*
43. Mối quan hệ giữa động cơ xuất khẩu và kết quả hoạt động xuất khẩu của các DNVNN Việt Nam xuất khẩu nông sản sang thị trường Trung Quốc  
*Mai Xuân Đào*
46. Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế trực tiếp quyết toán tại Chi cục thuế TP Huế  
*Lê Hoàng Anh, Hồ Thị Anh Thị*
48. Tạo lòng trung thành thương hiệu từ nhận thức của người tiêu dùng về thương hiệu: nghiên cứu định tính về các chuỗi cà phê tại thành phố Hồ Chí Minh  
*Nguyễn Trần Sỹ*
51. TỐI ƯU thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương tiền công trong các doanh nghiệp tại Việt Nam  
*Trần Thu Huyền*
54. IFRS 15: chuẩn mực yêu cầu về ghi nhận doanh thu và điều kiện áp dụng đối với các doanh nghiệp xây lắp tại Việt Nam  
*Hoàng Mai Chi, Trần Thị Lan Hương*
56. Vương quốc Bhutan: góc nhìn từ lý thuyết kinh tế xanh và gợi ý cho Việt Nam  
*Đào Thị Phương Liên*
59. Ứng dụng mô hình tối ưu hóa quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp  
*Vũ Thị Kim Liên, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thùy Dương*
62. Việt Nam hơn 35 năm đổi mới: một số vấn đề đặt ra đối với thể chế môi trường kinh doanh  
*Đặng Thành Chung*
65. Phân tích SWOT cho phát triển logistics xanh Việt Nam  
*Vũ Thiệu Bách*
68. Đầu tư vào nguồn nhân lực xanh: giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời đại 5.0  
*Nguyễn Duy Phương*
71. Tác động của chuyển đổi số đến mức độ chấp nhận rủi ro trong các doanh nghiệp  
*Lê Văn Chiến, Nguyễn Đức Thắng, Phạm Kiên Trung*

# Tác động của chuyển đổi số đến mức độ chấp nhận rủi ro trong các doanh nghiệp

Lê Văn Chiến  
Nguyễn Đức Thắng, Phạm Kiên Trung  
Trường Đại học Mở - Địa chất

Nghiên cứu tập trung vào mối quan hệ giữa chuyển đổi số và mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp tại Việt Nam. Nghiên cứu chỉ ra việc đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp dựa trên các chỉ tiêu tài chính là chưa đầy đủ, thiếu những đánh giá từ các nhà quản trị và nhân viên. Việc nghiên cứu mối quan hệ này không chỉ giúp hiểu rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, mà còn hỗ trợ quyết định tốt hơn trong môi trường kinh doanh thay đổi. Vì vậy, cần nghiên cứu về mối quan hệ giữa chuyển đổi số và mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp tại Việt Nam giúp bổ sung vào các khoảng trống nghiên cứu trước đó.

## 1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số là một xu hướng quan trọng để các doanh nghiệp tồn tại và phát triển trên thị trường cạnh tranh. Trong "Chiến lược phát triển chuyển đổi số Việt Nam" Chính phủ Việt Nam đã đề ra 3 trụ cột chính trong chiến lược chuyển đổi số toàn diện, bao gồm Chính phủ điện tử, Công nghiệp 4.0 và xã hội số. Tuy nhiên, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là thay đổi mô hình kinh doanh, mà còn liên quan đến cách thức điều hành, quy trình làm việc và văn hóa lao động trong doanh nghiệp. Mục tiêu của chuyển đổi số là nâng cao hiệu quả kinh doanh thông qua tăng tốc độ thị trường, nâng cao vị trí cạnh tranh, tăng doanh thu, tăng năng suất lao động và thu hút khách hàng.

Bên cạnh những mặt tích cực từ việc chuyển đổi số các doanh nghiệp đang phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới từ hoạt động này bao gồm các hoạt động quản trị, nhân sự, tài chính khi tiến hành chuyển đổi số. Một trong những vấn đề mà các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay hay gặp phải trong quá trình chuyển đổi số do thiếu kinh nghiệm hoặc nguồn lực, hoặc sự chấp nhận về tư duy của người lãnh đạo trong chuyển đổi số. Mức độ chấp nhận rủi ro của lãnh đạo doanh nghiệp khi muốn thay đổi phương thức quản trị trong quá trình chuyển đổi số sẽ ảnh hưởng khả năng thành công của doanh nghiệp.

Để có được một chiến lược chuyển đổi số bền vững các doanh nghiệp và chính phủ cần phải có một chiến lược toàn diện, đồng thời cần có sự đầu tư đầy đủ vào công nghệ thông tin và đào tạo nhân lực. Các đối tượng này cũng cần hợp tác chặt chẽ với nhau, để tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc triển khai chuyển đổi số. Ngoài ra, việc tăng cường bảo vệ dữ liệu và nâng cao ý thức về an ninh mạng cũng rất quan trọng để đảm bảo tính bảo mật và tin cậy của hệ thống.

Mặc dù đã có nhiều minh chứng cho rằng chuyển đổi số mang lại những lợi ích tuyệt vời cho doanh nghiệp và quốc gia, tuy nhiên vấn đề này luôn có tính hai mặt, nó phụ thuộc nhiều vào mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp. Do đó, nghiên cứu tác động của chuyển đổi số đến mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp là hết sức cần thiết đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

## 2. Các nghiên cứu về chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Chuyển đổi số (Digital Transformation) là quá trình tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức để thay đổi cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số. Chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là sự phát triển của công nghệ thông tin, mà còn là một sự thay đổi kinh doanh toàn diện ảnh hưởng đến toàn bộ tổ chức. Theo Công ty Nghiên cứu và Tư vấn công nghệ thông tin Gartner, chuyển đổi số là việc ứng dụng công nghệ để thay đổi mô hình kinh doanh và tạo ra cơ hội và giá trị mới. Theo Microsoft, chuyển đổi số là sự đổi mới kinh doanh thúc đẩy bởi đám mây, trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật. (Abdulquadri và cộng sự, 2021) lại cho rằng cho rằng chuyển đổi số thể hiện sự thay đổi trong hoạt động của cá nhân và doanh nghiệp thông qua ứng dụng công nghệ kỹ thuật số để tạo ra cải tiến lớn trong kinh doanh, trải nghiệm cá nhân và mô hình kinh doanh mới.

Như vậy, Chuyển đổi số thay đổi phương thức làm việc của con người, phương thức sản xuất và tích hợp công nghệ số vào hoạt động kinh doanh để thay đổi cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và văn hóa của doanh nghiệp, đem lại hiệu quả cao hơn và giá trị mới.

Chuyển đổi số đã tạo ra tác động lớn đối với các doanh nghiệp trong thời đại hiện đại. Tác động này

xuất phát từ việc áp dụng công nghệ kỹ thuật số và sự khai thác thông minh dữ liệu, tạo ra những thay đổi cấu trúc và quy trình kinh doanh toàn diện (Rifkin, 2014). Các tác giả này đã đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Internet of Things (IoT) trong việc thay đổi mô hình kinh doanh và tạo ra giá trị mới cho các doanh nghiệp.

Các nghiên cứu hiện tại đã chỉ ra rằng có 5 yếu tố quan trọng và có tác động trực tiếp đến kết quả mong đợi về chuyển đổi số của doanh nghiệp, bao gồm: (1) lãnh đạo, (2) chiến lược kinh doanh số, (3) năng lực nhân viên, (4) văn hóa doanh nghiệp, (5) Công nghệ doanh nghiệp sử dụng.

Lãnh đạo: Mazzei và Noble (2017) đã chỉ ra rằng sự thay đổi trong tư duy và hành động của lãnh đạo ảnh hưởng lớn đến khả năng chuyển đổi số. Điều này bao gồm tối ưu hóa nhanh chóng quy trình ra quyết định thông qua truy cập tức thì thông tin và dữ liệu mở. Thay đổi trong quá trình học hỏi và phát triển của lãnh đạo đóng vai trò quan trọng trong chuyển đổi số. Đặc biệt, lãnh đạo cần có tư duy kỹ thuật số để hướng dẫn quá trình chuyển đổi số một cách hiệu quả.

Chiến lược kinh doanh số: Bharadwaj (2000) đã nhấn mạnh rằng chiến lược kinh doanh số định hướng cho việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ sản xuất, quản lý, tiếp thị, bán hàng, phân phối đến dịch vụ khách hàng. Điều này giúp doanh nghiệp tạo ra giá trị mới cho khách hàng và cạnh tranh trên thị trường.

Năng lực nhân viên: Trần Đức Hòa và Đỗ Văn Hùng (2021) nhấn mạnh rằng để thực hiện chuyển đổi số thành công, doanh nghiệp cần phát triển năng lực nhân viên để sử dụng công nghệ số một cách hiệu quả và sáng tạo trong công việc. Năng lực nhân viên bao gồm các kỹ năng, kiến thức và thái độ liên quan đến nhiều lĩnh vực như quản lý dữ liệu, giao tiếp và hợp tác trong môi trường số, sáng tạo nội dung số, an toàn và an ninh mạng, học tập và phát triển kỹ năng số. Điều này cho phép nhân viên thu thập, lưu trữ, phân tích và trình bày dữ liệu một cách chính xác và trực quan, giao tiếp, chia sẻ và làm việc nhóm trực tuyến, và tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới phù hợp với thị trường.

Văn hóa doanh nghiệp: Kohli và Johnson (2011) cho rằng văn hóa doanh nghiệp quyết định sự thành công hay thất bại của chuyển đổi số bằng cách ảnh hưởng đến cách làm việc, giao tiếp, hợp tác và đổi mới của doanh nghiệp. Trong quá trình chuyển đổi số, văn hóa doanh nghiệp cần tập trung vào tính minh bạch trong quy trình làm việc, kinh doanh và sử dụng dữ liệu thông tin hiệu quả. Tuy nhiên, chuyển đổi số có thể gây xung đột văn hóa giữa nhân viên lớn tuổi và nhân viên trẻ, do khác biệt về kiến thức và kinh nghiệm công nghệ số.

Công nghệ doanh nghiệp sử dụng: Đây là công cụ giúp các doanh nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi số bằng cách sử dụng các nền tảng ứng dụng, phần mềm thiết bị để giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh tốt hơn, tiết kiệm chi phí, tăng cường năng lực cạnh tranh và tạo ra giá trị mới cho khách hàng (Chen & Tian, 2022).

### 3. Các nghiên cứu về mức độ chấp nhận rủi ro trong doanh nghiệp

March & Shapira (1987) đã định nghĩa chấp nhận rủi ro được cho là hành vi ra quyết định trong sự không chắc chắn trong đó có ít nhất một lựa chọn liên quan đến khả năng xảy ra tổn thất. Một quan điểm khác cho rằng chấp nhận rủi ro là sự phân tích và lựa chọn các dự án với sự không chắc chắn thể hiện qua biến động của các kết quả kỳ vọng tương ứng là dòng tiền của doanh nghiệp (Wright và c.s., 1996).

Như vậy có thể hiểu “Chấp nhận rủi ro” là quá trình hoặc hành vi của một cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp trong việc nhận biết, đánh giá và chấp nhận sự không chắc chắn và tiềm ẩn trong các quyết định và hành động của mình. Đối với mỗi quyết định hoặc hành động, có thể có những kết quả không mong muốn hoặc không chắc chắn có thể xảy ra.

Khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp, đã có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng có 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng là đặc điểm bên trong và đặc điểm môi trường bên ngoài của doanh nghiệp.

Nhóm các yếu tố bên trong doanh nghiệp ảnh hưởng đến việc chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp bao gồm: quan điểm và tỷ lệ giới tính của đội ngũ quản lý, khẩu vị rủi ro của nhà quản lý, khả năng quản lý tri thức, quyền lực của CEO và sự xuất hiện của các cổ đông lớn trong doanh nghiệp (Haider và Fang, 2018).

Nhóm các yếu tố thuộc môi trường bên ngoài doanh nghiệp bao gồm: sự liên kết tài chính toàn cầu (Bruno và Shin, 2014) sự hỗ trợ bảo lãnh cho các khoản vay của chính phủ, sự không chắc chắn của chính sách kinh tế, mức độ tập trung của khách hàng (Cao, 2021).

Trong các nghiên cứu trước đây, mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp được đo lường bởi sự biến động tỷ suất lợi nhuận của các chỉ tiêu sinh lời trên sổ sách kế toán của công ty như ROA, ROE hoặc tỷ suất sinh lời trên thị trường chứng khoán. Một số phương pháp đo lường mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp được đề xuất trong các nghiên cứu có thể kể đến như sau:

Mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp được đo lường trên sự biến động tỷ suất sinh lời của tổng tài sản (ROA) (Bromiley, 1991; John và c.s., 2008). Ngoài ra, biến động tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở

hữu (ROE) cũng được sử dụng để đo lường mức độ chấp nhận rủi ro (Bromiley, 1991). Thước đo này sau đó được nhiều tác giả ủng hộ và kế thừa để đo lường mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp. Tại Việt Nam, kế thừa các nghiên cứu điển hình ở nước ngoài các nghiên cứu chủ yếu sử dụng biến động thu nhập trên sổ sách kế toán để đo lường mức độ chấp nhận rủi ro như biến động của ROA (Anh & Thanh, 2019; Chí & Nam, 2017; Võ, 2016), biến động của ROE (Nam, 2017; Võ, 2016).

Đối với các doanh nghiệp niêm yết, thu nhập không chỉ phản ánh trên sổ sách kế toán mà còn thể hiện qua tỷ suất sinh lời của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Biến động tỷ suất sinh lời cổ phiếu trở thành một chỉ số đo lường mức độ chấp nhận rủi ro. Các thước đo rủi ro tổng thể, rủi ro hệ thống và rủi ro đặc thù (Anderson & Fraser, 2000; Low, 2009) được sử dụng để đánh giá mức độ chấp nhận của doanh nghiệp, và nhận được sự ủng hộ và kế thừa từ nhiều tác giả.

Ngoài ra, một số tác giả khác cũng đề xuất một số phương pháp khác để đo lường mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp như: đo lường mức độ chấp nhận rủi ro thông qua đòn bẩy tài chính (Faccio, 2016; Cheng, 2008).

#### **4. Môi liên hệ giữa hoạt động chuyển đổi số đến mức độ chấp nhận rủi ro trong các doanh nghiệp**

Quá trình chuyển đổi số và tầm ảnh hưởng đến việc chấp nhận rủi ro của các doanh nghiệp đang là lĩnh vực nghiên cứu chưa được khám phá đầy đủ và đồng nhất còn có những quan điểm mang tính trái ngược.

Đầu tiên, chuyển đổi số có thể thúc đẩy sự chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp. Nghiên cứu của Wu và đồng nghiệp (2022) cho thấy chuyển đổi số giảm thiểu sự mất cân xứng thông tin giữa doanh nghiệp và thị trường, tăng cường khả năng tiếp cận nguồn tài chính bên ngoài và giảm nguy cơ kiệt quệ tài chính, tạo động lực mạnh mẽ để đầu tư vào các dự án rủi ro. Wang và Guo (2022) nhận thấy chuyển đổi số cải thiện chất lượng công bố thông tin và tận dụng tài sản của doanh nghiệp. Zhai và Li (2022) cho biết chuyển đổi số cung cấp khả năng xử lý thông tin lớn và tăng cường khả năng ra quyết định, giúp doanh nghiệp thích ứng nhanh chóng với biến đổi kinh tế dựa trên thông tin thời gian thực, giảm lãng phí tài nguyên và tăng hiệu suất sản xuất. Nghiên cứu của Chen và Tian (2022) cũng cho thấy chuyển đổi số cải thiện sự ổn định tài chính của doanh nghiệp.

Ngược lại, (Gebauer và c.s., 2020) lại cho rằng một số doanh nghiệp thực hiện chiến lược chuyển đổi số có thể gặp những bất lợi trong quá trình số hóa, mặc dù chuyển đổi số được kỳ vọng sẽ tăng

doanh thu, nhưng nhiều công ty vẫn gặp khó khăn trong việc tận dụng tiềm năng của số hóa và không đạt được mức tăng trưởng doanh thu như mong đợi.

#### **5. Kết luận**

Công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, IoT, blockchain và Internet đã tạo ra nhiều cơ hội cho chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Hoạt động chuyển đổi số ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh, quản lý và tiếp thị, đồng thời cũng liên quan đến mức độ chấp nhận rủi ro. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng chuyển đổi số mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và gia tăng trải nghiệm cho khách hàng. Tuy nhiên, triển khai chuyển đổi số cũng gây ra rủi ro như an ninh mạng, phụ thuộc vào công nghệ, hiệu quả không tương xứng với chi phí đầu tư và nhân lực không đủ trình độ. Hiện tại cách đo lường chuyển đổi số và mức độ chấp nhận rủi ro trong doanh nghiệp vẫn chưa đồng nhất và cần được nghiên cứu hơn nữa.

Như vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa chuyển đổi số và mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp tại Việt Nam là cần thiết, như đã được nhấn mạnh trong những khoảng trống nghiên cứu. Các nghiên cứu mới không chỉ giúp các doanh nghiệp hiểu rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, mà còn hỗ trợ nhà quản trị đưa ra quyết định tốt hơn trong môi trường kinh doanh thay đổi liên tục./

#### **Tài liệu tham khảo**

- Chi, M.M, Wang, J.J., & Wang, W.J. (2022). Research on the influence mechanism of corporate innovation performance in the context of digital transformation—A mixed method based on NCA and SEM. *Scientol. Res*, 40, 319–331.
- Dai, D., Han, S., Zhao, M., & Xie, J. (2023). The Impact Mechanism of Digital Transformation on the Risk-Taking Level of Chinese Listed Companies. *Sustainability*, 15(3), Article 3.
- Do, T. D., Pham, H. A. T., Thalassinou, E. I., & Le, H. A. (2022). The Impact of Digital Transformation on Performance: Evidence from Vietnamese Commercial Banks. *Journal of Risk and Financial Management*, 15(1), 21.
- Quyết, C. B. (2021). Nghiên cứu khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số thành công của doanh nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, Số 233-Tháng 10.
- Wang, Y., & Guo, Y. (2022). Does Digital Transformation Enhance Corporate Risk-Taking?: Evidence from China. *African and Asian Studies*, 21(4), 309–343.